TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày: 06/01/2022
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: **Bà Vũ Kim Liên**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Lâm Văn Vô**
2.Bà Trần Thị Tuyết

- *Thư ký phiên toà*: Bà **Hoàng Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020 về tranh chấp "Đòi tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXSST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 129/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Hiền T, sinh năm 1978(vắng mặt)
Địa chỉ: 181/20/10 TP, Phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh
Bị đơn: Bà Lê Thị Liên H, sinh năm 1966(vắng mặt)
Địa chỉ: 476A THĐ, Phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: 26C LLC, Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của ông Trương Hiền T ngày 11/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông Trương Hiền T có quen biết với bà Lê Thị Liên H. Do bà H cần tiền sử dụng thanh toán phí cho các anh chị để hưởng phần thừa kế và hoàn tất các thủ tục hưởng thừa kế nên ông T đã cho bà H vay số tiền 350.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền có chứng nhận của Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/4/2016 và bà H đã ký xác nhận đã nhận đủ tiền. Thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 28/4/2016, lãi suất hai bên thoả thuận không tính lãi suất. Do bà H chưa có khả năng thanh toán số nợ theo hợp đồng vay nên ngày 10/12/2016, bà H và ông thỏa thuận dời thời hạn thanh toán theo hợp đồng đến ngày 28/02/2017.

Hết thời hạn bà H vẫn không thanh toán khoản nợ cho ông, nên ngày 12/8/2017 bà H viết giấy xác nhận cho ông T là chưa có khả năng thanh toán số nợ theo hợp đồng và vay thêm số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 400.000.000 đồng và hẹn đến ngày 31/12/2017 sẽ hoàn trả toàn bộ số nợ.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc bị đơn là bà Lê Thị Liên H trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Liên H đã được tống đạt giấy triệu, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Bà là vợ của ông Trương Hiền T, bà thống nhất với trình bày của ông T. Vợ chồng bà có cho bà Lê Thị Liên H vay số tiền là 400.000.000 đồng, mọi giao dịch hợp đồng, xác nhận trên giấy tờ do ông T đứng tên giao dịch, bà là người chứng kiến việc ông T giao tiền cho bà H. Số tiền ông T cho bà H vay là tài sản riêng của ông T, bà không có ý kiến gì về số tiền trên, đề nghị Tòa án buộc bà H trả lại ông T số tiền vay 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Nguyên đơn ông Trương Hiền T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc bà Lê Thị Liên H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay là 400.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 28/4/2016 và Xác nhận ngày 12/8/2017.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Y phát biểu và kết luận: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 28/4/2016, Xác nhận (có chữ ký của bà H) ngày 12/8/2017, bản tự khai của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định bà Lê Thị Liên H có nợ của ông T số tiền 400.000.000 đồng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 400.000.000 đồng.

Về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo Thông báo thụ lý vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định quan hệ tranh chấp « Đòi tài sản » là không chính xác. Bởi vì, nguyên đơn ông Trương Hiền T khởi kiện bị đơn bà Lê Thị Liên H yêu cầu bà H trả cho ông T số tiền 400.000.000 đồng, theo Hợp đồng vay tiền ngày 28/4/2016 và Giấy xác nợ ngày 12/8/2017. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này « Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ». Bị đơn bà Lê Thị Liên H, cư trú tại Quận Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông Trương Hiền T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do bận việc cá nhân, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Bị đơn bà Lê Thị Liên H đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa… hợp lệ nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Liên H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh của công an Phường 2, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, không ghi nhận thông tin về chồng của bà Lê Thị Liên H.

[4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết N, có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Theo Hợp đồng vay tiền có chứng nhận của Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/4/2016 có nội dung: Bà Lê Thị Liên H có vay của ông Trương Hiền T số tiền 350.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Nếu đến hạn mà bên B (bà H) không trả đủ tiền vốn vay cho bên A (ông T), mà hai bên không có thỏa thuận gì khác thì bên A có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục thu hồi nợ cho bên A theo quy định của pháp luật.

[6] Theo Xác nhận ngày 12/8/2017 của bà Lê Thị Liên H có nội dung:... do tôi chưa có khả năng thanh toán số nợ vay theo Hợp đồng vay tiền ..của ông Trương Hiền T... Hôm nay tôi mượn thêm của anh Thanh 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 400.000.000 đồng. Tôi hẹn đến ngày 31/12/2017 sẽ trả toàn bộ số nợ cho anh Thanh.

[7] Căn cứ Hợp đồng vay tiền có chứng nhận của Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/4/2016 và Xác nhận của bà H ngày 12/8/2017 ghi tại mặt sau của Hợp đồng vay tiền, có căn cứ xác định bà Lê Thị Liên H có vay của ông Trương Hiền T số tiền vốn là 400.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn ông Trương Hiền T yêu cầu bà Lê Thị Liên H trả số tiền vốn 400.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, không thỏa thuận lãi suất. Từ khi nhận tiền bà H không thanh toán khoản tiền gốc cho ông T. Đồng thời, ông T cũng không yêu cầu bà H trả lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên Tòa án nhân dân Quận Y đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Lê Thị Liên H đến Tòa án để trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do nên xem như đã từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình tại Tòa án.

[10] Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Y, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên chấp nhận.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Liên H phải chịu án phí trên số tiền 400.000.000 đồng, cụ thể 400.000.000 x 5% = 20.000.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn lại cho ông Trương Hiền T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 470; Điều 357; Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hiền T.

Buộc bà Lê Thị Liên H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Hiền T số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 28/4/2016 và Xác nhận nợ ngày 12/8/2017.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Liên H phải chịu 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Hoàn lại cho ông Trương Hiền T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000đ (mười triệu đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0036098 ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Kim Liên

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND Q5;
- Chi cục THADSQ5;
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Kim Liên